

Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chế độ kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đồng bằng sông Cửu Long

Trần Thị Kim Chi, Nguyễn Thị Thanh Thủy
Phan Thanh Huyền, Phạm Văn Cà
Trường Đại học Trà Vinh

Tóm tắt: Nghiên cứu thực hiện khảo sát tại 350 doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (Bao gồm kế toán trưởng và kế toán viên). Nghiên cứu được thực hiện thông qua phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy tuyến tính bội để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chế độ kế toán. Kết quả nghiên cứu cho thấy, vận dụng chế độ kế toán tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa chịu ảnh hưởng bởi 7 nhân tố tác động gồm: (i) thuế, (ii) mức độ hướng dẫn của văn bản về chế độ kế toán, (iii) cơ sở hạ tầng kế toán, (iv) nhận thức của nhà quản trị, (v) Người sử dụng thông tin và nhu cầu thông tin kế toán, (vi) người làm kế toán và (vii) quy mô của doanh nghiệp.

Từ khóa: Vận dụng chế độ kế toán, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Đồng bằng sông Cửu Long

1. Mở đầu

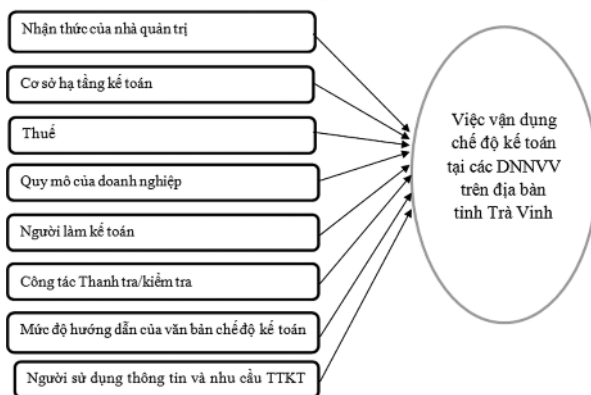
Doanh nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) chiếm khoảng 8,5% tổng doanh nghiệp cả nước. Trong số này, DNNVV chiếm 97%. Tuy nhiên, DNNVV có số lượng lớn song quy mô thì rất nhỏ, vốn ít, thiếu nhân viên có kỹ năng và đa số nhà điều hành DNNVV đều thiếu kiến thức quản lý và những kỹ năng cần thiết để quản lý doanh nghiệp có qui mô. Bên cạnh đó, vấn đề quan trọng nữa là DNNVV chưa quan tâm nhiều đến việc vận dụng chế độ kế toán. Vận dụng đúng chế độ kế toán là một vấn đề quan trọng trong công tác kế toán doanh nghiệp nhằm đảm bảo chức năng thông tin và kiểm soát của kế toán, nâng cao tính hữu ích của thông tin trên báo cáo tài chính, giúp các doanh nghiệp ra các quyết định phù hợp. DNNVV nói chung và DNNVV ĐBSCL nói riêng còn gặp nhiều trở ngại, thách thức trong việc vận dụng chế độ kế toán vào thực tiễn của doanh nghiệp.

Để giúp các DNNVV ĐBSCL vận dụng tốt chế độ kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kinh tế tài chính phục vụ quản lý. Các DNNVV ĐBSCL cần có cơ sở trả lời các câu hỏi các nhân tố nào ảnh hưởng đến việc vận dụng chế độ kế toán và mức độ ảnh hưởng như thế nào, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển giao giữa các chế độ kế toán như hiện nay.

2. Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý thuyết như lý thuyết đại diện, lý thuyết ngẫu nhiên và kế thừa các nghiên cứu trước để đề xuất các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chế độ kế toán tại các DNNVV ĐBSCL. Mô hình nghiên cứu được tác giả đề xuất thể hiện cụ thể trong hình 1:

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện kiểm định các giả thuyết nghiên cứu đề tài sử dụng số liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 350 DNNVV ĐBSCL là các kế toán trưởng và kế toán viên có kinh nghiệm làm việc trên 3 năm tại các DNNVV.

Đề tài sử dụng các phương pháp sau: (i) Đánh giá hệ số tin cậy Cronbach Alpha, (ii) phân tích nhân tố khám phá EFA, (iii) Phân tích hồi quy đa biến.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định độ tin cậy của các thang đo

Chỉ số Cronbach's Alpha cao chứng tỏ câu hỏi được đưa ra cho người được khảo sát sẽ hiểu được khái niệm của câu hỏi, thể hiện sự đồng nhất qua mỗi biến quan sát của thang đo. Đồng thời việc kiểm định Cronbach's Alpha sẽ loại những biến rác trong mô hình, vì những biến rác này có thể tạo nên nhân tố giả tạo gây nhầm lẫn khi thực hiện phân tích nhân tố EFA.

Các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng (item — total correlation) nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại và thang đo được chọn khi hệ số Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên.

Bảng 1. Kết quả kiểm định các thang đo

Các yếu tố	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha
Mức độ hướng dẫn của văn bản chế độ kế toán (X1)	04	0,849
Cơ sở hạ tầng (X2)	03	0,800
Công tác thanh tra/kiểm tra(X3)	03	0,622
Quy mô của doanh nghiệp(X4)	03	0,785
Người làm kế toán(X5)	04	0,775
Nhận thức của nhà quản trị(X6)	03	0,798
Thuế (X7)	03	0,818
Người sử dụng thông tin và nhu cầu thông tin kế toán (X8)	03	0,778
Vận dụng chế độ kế toán (Y)	04	0,801

4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả thực hiện kiểm định: Kiểm định tính thích hợp của mô hình ($0,5 < KMO = 0,694 < 1$); Kiểm định Bartlett có Sig. = $0,000 < 1\%$; 5%; Kiểm định có phương sai cộng dồn (Cumulative variance = $71,214\% > 50\%$). Như vậy, kết quả các kiểm định trên đều đạt yêu cầu để phân tích nhân tố khám phá.

4.3. Phân tích hồi quy đa biến

Căn cứ vào bảng 2, kết quả kiểm định giả thuyết về độ phù hợp tổng quan có mức ý nghĩa quan sát sig. = $0,000$ nên ta bác bỏ giả thuyết H_0 là hệ số hồi quy của các biến độc lập bằng 0.Điều này có ý nghĩa là các biến độc lập trong mô hình có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc, tức là sự kết hợp của các biến độc lập có thể giải thích được sự thay đổi của biến phụ thuộc. Mô hình hồi quy tuyến tính bội được xây dựng phù hợp và có thể sử dụng được.

Bảng 2. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy đa biến

Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² – hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson
0,839 ^a	0,704	0,697	0,704	1,874

Bảng 3. Kết quả hồi quy

Biến độc lập	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T _t	Sig.	Thông kê đa cộng tuyến	
	B	Std. Error	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số VIF
Mức độ hướng dẫn của văn bản chế độ kế toán	0,082	0,019	0,129	4,290	0,000	0,960	1,041
Cơ sở hạ tầng	0,203	0,020	0,315	9,973	0,000	0,871	1,148
Công tác thanh tra/kiểm tra	0,037	0,037	0,033	1,007	0,315	0,828	1,208
Quy mô của doanh nghiệp	0,076	0,019	0,121	4,061	0,000	0,974	1,026
Người làm kế toán	0,250	0,019	0,397	12,916	0,000	0,919	1,088
Nhận thức của nhà quản trị	0,168	0,021	0,243	8,010	0,000	0,947	1,056
Thuế	0,238	0,018	0,409	13,293	0,000	0,919	1,088
Người sử dụng thông tin và nhu cầu thông tin kế toán	0,102	0,020	0,159	5,155	0,000	0,910	1,099

5. Thảo luận kết quả

Các kết quả phân tích chỉ ra rằng các nhân tố ảnh hưởng mạnh đến việc vận dụng chế độ kế toán tại các DNNVVĐBSCL là thuế, mức độ hướng dẫn của văn bản về chế độ kế toán, cơ sở hạ tầng kế toán, nhận thức của nhà quản trị. Người sử dụng thông tin và nhu cầu thông tin kế toán, người làm kế toán và quy mô của doanh nghiệp.

Thuế: Kế toán viên ghi nhận và đo lường kế toán thường dựa trên cơ sở quy định về thuế, dẫn đến lợi nhuận về kế toán và lợi nhuận về kế toán không có sự khác biệt. Bên cạnh đó chi phí về thuế đã tác động đến việc vận dụng chế độ kế toán, kế toán viên ghi chép kế toán theo hướng tiết kiệm chi phí về thuế. Sự thay đổi của mức thuế thu nhập doanh nghiệp có ảnh hưởng đến việc vận dụng chế độ kế toán.

Người làm kế toán: Người làm kế toán có kinh nghiệm thực tế sẽ giúp vận dụng chế độ kế toán tốt hơn. Ngoài ra, trình độ của kế toán viên phải đáp ứng yêu cầu của việc vận dụng chế độ kế toán tại DN, đáp ứng yêu cầu trong tính toán, đo lường các đối tượng kế toán, hiểu tường tận các khái niệm và thuật ngữ trong chế độ kế toán thì sẽ vận dụng tốt chế độ kế toán.

Cơ sở hạ tầng kế toán: Theo kết quả phân tích trên mẫu đã chọn, nhân tố về cơ sở hạ tầng kế toán có ảnh hưởng mạnh đến việc vận dụng chế độ kế toán. Điều này phản ánh thực tế DNNVV nếu trang bị cơ sở hạ tầng càng tốt thì việc vận dụng chế độ kế toán càng dễ dàng.

Nhận thức của nhà quản trị: Chủ doanh nghiệp thường xem nhẹ việc vận dụng chế độ kế toán. Đa phần DNNVV cho rằng việc vận dụng kế toán không mang lợi cho doanh nghiệp mà chỉ tốn thời gian, tiền bạc cho Doanh nghiệp và chỉ mang lợi ích cho Nhà Nước.

Mức độ hướng dẫn của văn bản về chế độ kế toán: Hiện nay mức độ hướng dẫn của văn bản về chế độ kế toán cho DNNVV vẫn còn thiếu sót và thiếu sự thống nhất. Những quy định trong chế độ kế toán cần chặt chẽ hơn nhưng vẫn đảm bảo tính linh hoạt để nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của từng doanh nghiệp. Các thông tư, hướng dẫn liên quan đến chế độ kế toán cần rõ ràng, đơn giản, tránh gây phức tạp cho người sử dụng. Mọi thay đổi chỉnh sửa, bổ sung về chế độ kế toán cần có thời gian triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn người sử dụng thực hiện.

Người sử dụng thông tin và nhu cầu thông tin kế toán: DNNVV vận dụng chế độ kế toán không tốt do không hiểu rõ nhu cầu thông tin của đối tượng sử dụng. Các đối tượng sử dụng thông tin càng đa dạng đòi hỏi việc tuân thủ chế độ kế toán. Nhận thức của đối tượng sử dụng thông tin càng cao tạo ra áp lực buộc doanh nghiệp phải tuân thủ nội dung của chế độ kế toán.

Công tác thanh tra/kiểm tra: Điều này phản ánh thực tế rằng khi mà không phải DNNVV nào cũng tự giác và đủ năng lực để vận dụng đúng các quy định theo chế độ kế toán thì vai trò của công tác thanh tra/kiểm tra của các cơ quan quản lý là rất quan trọng. Tuy nhiên, công tác thanh tra/kiểm tra còn hoa loa, chưa thật sự cứng rắn và minh bạch. Do vậy, các DNNVV chưa thật sự chú ý và lo ngại về việc thanh tra, kiểm tra.

Quy mô doanh nghiệp: Doanh nghiệp càng càng

nhỏ càng ít bị ảnh hưởng bởi việc xử lý thông tin kế toán. Doanh nghiệp có quy mô càng lớn thì nguồn lực tài chính cho việc vận dụng đầy đủ các quy định trong chế độ kế toán. Doanh nghiệp có quy mô càng lớn thì càng quan tâm đến việc vận dụng chế độ kế toán tại các DNNVV ĐBSCL.

Người sử dụng thông tin và nhu cầu thông tin kế toán: DNNVV vận dụng chế độ kế toán không tốt do không hiểu rõ nhu cầu thông tin của đối tượng sử dụng. Các đối tượng sử dụng thông tin càng đa dạng đòi hỏi việc tuân thủ chế độ kế toán. Nhận thức của đối tượng sử dụng thông tin càng cao tạo ra áp lực buộc doanh nghiệp phải tuân thủ nội dung của chế độ kế toán.

6. Kết luận

Các DNNVV chiếm số lượng lớn và giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế tại Việt Nam. Vì vậy, việc tuân thủ và vận dụng các văn bản pháp lý về kế toán, trong đó có chế độ kế toán là hết sức cần thiết.

Nghiên cứu đã đưa ra một cái nhìn khái quát về các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chế độ kế toán tại các DNNVV ĐBSCL góp phần giúp doanh nghiệp hiểu được vai trò, tầm quan trọng của việc vận dụng chế độ kế toán vào thực tiễn và biết được những nhân tố nào ảnh hưởng đến việc vận dụng chế độ kế toán, từ đó doanh nghiệp sẽ quản lý hoạt động kinh doanh tốt hơn và có quyết định đúng đắn để phát triển doanh nghiệp./.

Tài liệu tham khảo

Đoàn Ngọc Phi Anh, Cao Thị Hoa (2016), “Nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam”, Tạp chí Kế toán & kiểm toán, (5), tr.25 -47.

Trần Thị Thanh Hải (2014), “Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng vận dụng khung pháp lý kế toán tại doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam, Trần Thị Thanh Hải”, Tạp chí Khoa học & Đào tạo, Đại học Công nghệ Sài Gòn, (1), tr.125-137.

Võ Văn Nhị, Trần Thị Thanh Hải (2017), “Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng IFRS cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các quốc gia và Việt Nam”, Tạp chí Phát triển & Hội nhập, 32(42).

Trần Đình Khôi Nguyên (2011), “Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Đà Nẵng”, Tạp chí phát triển kinh tế, (252), tr.9-15.

Trần Đình Khôi Nguyên (2013), “Bàn về thang đo nhân tố phi tài chính ảnh hưởng vận dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam”, Tạp chí nghiên cứu và trao đổi, (190), tr.9-15.